

Bản án số: 99/2023/HS-PT
Ngày 13 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ; Bà Phạm Thị Minh Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Điểm cầu Trung tâm thuộc trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 178/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn G, do có kháng cáo của bị cáo G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2023/HS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn G, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Tổ B, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1960 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; anh em ruột: Có 05 người, bị cáo là người thứ 4;

- Tiền án: Ngày 17/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù giam, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2022.

- Tiền sự: Chưa.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2023 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Ông Dương Thanh N, sinh năm 1991; cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Lê Văn L, sinh năm 1960, nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Ông Võ Hoàng V, sinh năm 1990; (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1984; (vắng mặt)

3. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1987; (vắng mặt)
4. Ông Trần Minh Ý, sinh năm 1994; (vắng mặt)
5. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986; (vắng mặt)
6. Ông Trần Văn K, sinh năm 1963; (vắng mặt)
7. Ông Nguyễn Hữu L1, sinh năm 2001. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 21/8/2022, bị cáo G, Võ Hoàng V, Ngô Văn L2, Lê Thị Ú, Phạm Văn Đ tổ chức uống rượu tại nhà của Đ ngụ ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Trong lúc uống rượu, bị cáo nghe V nói anh Dương Thanh N hay nói chuyện với người khác lớn tiếng và chửi tục nên bị cáo tức giận. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo mượn xe mô tô biển số 66B1 – 423.23 của V nói đi công việc, rồi điều khiển xe về nhà lấy 01 cây dao tự chế, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 60cm. Sau khi lấy dao, G điều khiển xe đến nhà của Đ kêu L2 chở đến trại của ông Trần Văn K ngụ ấp V, xã V, huyện A gặp anh N để nói chuyện.

Khi đến nơi, bị cáo kêu L2 điều khiển xe mô tô 66B1 – 423.23 chạy về, còn bị cáo đi vào trại và lấy cây dao rút vỏ ra, nhìn thấy ông N đang ngồi, G liền dùng dao chém 02 cái, trúng vào vùng lưng và vai bên trái của ông N gây thương tích thì được ông Trần Minh Ý và Nguyễn Thanh H2 can ngăn. Lúc này, G mang cây dao đến khu vực cầu K, xã V vứt bỏ, rồi trốn khỏi địa phương. Ông N được gia đình đưa đến Trung tâm Y tế huyện A điều trị vết thương đến ngày 24/8/2022 xuất viện. Ngày 25/8/2022, ông N có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với G.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 551/2022/TgT ngày 13/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh A, xác định:

Dương Thanh N, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo lưng trái, kích thước (10 x 0.5) cm, hướng nằm xiên, sẹo thẳng, lõm, màu hồng, bờ sắc gọn, hai góc nhọn.
- Sẹo vai trái, kích thước (11.5 x 01) cm, hướng nằm hơi xiên, sẹo thẳng, lõm, màu hồng, bờ sắc gọn, hai góc nhọn.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06% (không sáu phần trăm).

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc gây nên.

Ngày 17/3/2023, Lê Văn G đến trụ sở Công an xã V đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án; ngày 22/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Lê Văn G.

Vật chứng trong vụ án: 01 (một) vỏ gỗ, màu đen, hình lưỡi liềm, dài 51 cm, nơi rộng nhất 06 cm (đã qua sử dụng).

Bị hại ông Dương Thanh N trình bày phù hợp nội dung vụ án. Yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo và bồi thường số tiền 9.467.000 đồng.

Cáo trạng số 34/CT-VKSAP-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, truy tố bị cáo Lê Văn G về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, đã xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn G 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/3/2023 (*ngày mười bảy, tháng ba, năm hai nghìn không hai mươi ba*).

Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) vỏ gỗ, màu đen, hình lưỡi liềm, dài 51 cm, nơi rộng nhất 06 cm (đã qua sử dụng)

(Vật tuyên tịch thu, tiêu hủy theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/5/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện A với Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Công nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại. Cụ thể: Bị cáo bồi thường cho bị hại 29.467.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A có trách nhiệm giao cho ông N 9.467.000 đồng (Theo biên lai thu số 0004634 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A). Bị cáo còn phải nộp thêm 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án đối với phần dân sự theo quy định pháp luật

Ngày 12/7/2023, bị cáo Lê Văn G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; sớm về với gia đình;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã xét xử; chỉ mong Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt;

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử;

- Về thủ tục kháng cáo: Bị cáo G kháng cáo hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

- Về nội dung vụ án: Bị cáo G thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp các với tình tiết trong hồ sơ vụ án; cấp sơ thẩm xét xử bị cáo G về tội “cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật;

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp chứng cứ mới; đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo G xin giảm nhẹ hình phạt;

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn G 01 năm tù; Thời hạn tù tính kể từ ngày tạm giam bị cáo ngày 17/3/2023; các phần khác giữ y.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị cáo G hợp lệ; Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người liên quan, người làm chứng; tuy nhiên, đã có lời khai tại Cơ quan điều tra; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử; xét thấy cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của người làm chứng tại phiên tòa; căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo G về việc xin giảm nhẹ hình phạt;

[3] Bị cáo G thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/11/2022, Kết luận giám định pháp y số 551/22/TgT ngày 13/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh A và các tài liệu, chứng cứ khác thu giữ trong hồ sơ; Bị cáo Lê Văn G hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với bị hại, nhưng chỉ vì trong lúc nhậu nghe V nói bị hại hay nói chuyện với người khác lớn tiếng và chửi tục, sự việc không liên quan đến bị cáo; nhưng với bản chất côn đồ, manh động, bị cáo đã có hành vi dùng hung khí là vật sắc - cây dao tự chế chém hai nhát vào vùng lưng, vai trái làm cho ông N bị thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06% (không sáu phần trăm).

Có đủ căn cứ để kết luận bị cáo G đã có hành vi gây tổn hại sức khỏe cho bị hại tỷ lệ thương tích 06%; hành vi của bị cáo đã tội phạm “***cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác***”

Tội danh và khung hình phạt được quy định tại **Điều 134 Bộ luật hình sự**:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

i) có tính chất côn đồ”

[4] Hành vi của bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm xâm hại trực tiếp cho bị hại; thực hiện hành vi phạm tội cố ý và mang tính chất côn đồ; thấy rằng sức khỏe tính mạng là vốn quý của con người, được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; do đó cần có hình phạt nghiêm mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định là đúng pháp luật; bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích; đáng lẽ ra phải xử bị cáo mức án nặng hơn nhiều so với mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xét xử;

[6] Tại phiên tòa, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết mới; Hội đồng xét xử, không có căn cứ xem xét; giữ nguyên bản án sơ thẩm, như đề nghị của Viện kiểm sát;

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn G xin giảm nhẹ hình phạt;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn G 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/3/2023 (*ngày mười bảy, tháng ba, năm hai nghìn không hai mươi ba*).

Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) vỏ gỗ, màu đen, hình lưỡi liềm, dài 51 cm, nơi rộng nhất 06 cm (đã qua sử dụng)

(Vật tuyên tịch thu, tiêu hủy theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/5/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện A với Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Công nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại. Cụ thể: Bị cáo bồi thường cho bị hại 29.467.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A có trách nhiệm giao cho ông N 9.467.000 đồng (Theo biên lai thu số 0004634 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A). Bị cáo còn phải nộp thêm 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn G phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo G phải chịu 200.000đồng;

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- TAND huyện (2);
- Công an huyện (1);
- Chi cục THADS huyện (1)
- Bị cáo (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn

